

**KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN BIẾT TIẾNG VIỆT THÀNH THẠO HOẶC SỬ DỤNG THÀNH THẠO NGÔN NGỮ KHÁC HOẶC ĐỦ TRÌNH ĐỘ PHIÊN DỊCH TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

Ngày thi: 13/6/2026

STT	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Điểm tổng	Kết quả
Tiếng Anh : Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh					
1	IBO ALMENDRAL RYAN	Nam	15/09/1999	7.7	Đạt
2	OH HOI JIN	Nữ	08/08/1988	8.0	Đạt
3	JEON HYOSEUNG	Nam	24/09/1994	6.6	Đạt
4	CHOI HYUN SOOK	Nữ	10/01/1975	6.7	Đạt
5	CHOI JAE WOOK	Nam	29/12/1991	5.6	Đạt
6	JUNG JAEHEON	Nam	18/10/1991	7.0	Đạt
7	PARK JI HAE	Nữ	21/07/1985	8.4	Đạt
8	KIM JISOO	Nam	28/02/1977	0.0	Vắng
9	PARK JUNG KEUN	Nam	28/08/1973	0.0	Vắng
10	KIM JUNGWOO	Nam	16/12/1989	7.7	Đạt
11	GOMEZ SOSA KAREN ESTIBALIS	Nữ	24/07/1990	7.1	Đạt
12	KIM KEEDEOG	Nam	27/01/1962	6.9	Đạt
13	PARK KYUNG RI	Nữ	16/11/1991	8.5	Đạt
14	HUR MIN	Nữ	20/12/1984	7.1	Đạt
15	LEE SANG HUN	Nam	12/03/1986	6.9	Đạt
16	LEE SANGMIN	Nam	04/11/1986	6.2	Đạt



17	SHIN	SEKYUNG	Nữ	29/09/1998	7.7	Đạt
18	MOON	SENA	Nữ	29/09/1979	5.8	Đạt
19	KU	SEUNGJEONG	Nam	07/03/1992	5.2	Đạt
20	LEE	SL	Nữ	16/06/1990	6.9	Đạt
21	KWON	SOONBEOM	Nam	30/10/1978	8.5	Đạt
22	KIM	TAE YOUNG	Nam	14/09/1978	5.3	Đạt
23	KIM	TAEKYUN	Nam	22/01/1990	6.8	Đạt
24	LEE	UN HYUNG	Nam	09/09/1994	7.5	Đạt
25	VAZQUEZ NARVAEZ	VICENTE	Nam	16/02/1991	7.1	Đạt
26	PARK	WONSE	Nam	08/02/1973	7.0	Đạt
27	CHAE	YONGHYUN	Nam	27/04/1976	7.0	Đạt
28	HEO	YOON JUNG	Nữ	15/01/1988	8.1	Đạt
29	WATANABE	YUMIKO	Nữ	12/01/1993	5.5	Đạt
30	TRAN OLIVA	YURISBEL	Nam	27/12/1982	7.4	Đạt
31	TRẦN PHƯƠNG	ANH	Nữ	01/11/1999	7.1	Đạt
32	LÂM KHẢ	DOANH	Nữ	11/07/2000	6.9	Đạt
33	ĐÀNG HOÀNG	DUY	Nam	16/12/1996	5.3	Đạt
34	TRẦN THANH	HẢI	Nam	16/08/1997	6.7	Đạt
35	TRẦN TUẤN	HÀNH	Nam	16/01/1994	7.4	Đạt
36	LÊ TUẤN	KHANH	Nam	29/04/1993	7.1	Đạt
37	PHAN TRẦN NGUYỄN BẢO	MY	Nữ	16/03/2000	7.8	Đạt
38	NGUYỄN LY	NA	Nữ	19/04/1996	7.7	Đạt

39	LÊ QUANG	NHÂN	Nam	07/08/1998	7.4	Đạt
40	TRẦN NGUYỄN NAM	NHƯ	Nữ	10/05/1995	6.4	Đạt
41	NGUYỄN THỊ THANH	THANH	Nữ	05/01/2002	6.6	Đạt
42	NGÔ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	18/06/1993	6.5	Đạt
43	HỒNG THẠCH	THẢO	Nữ	16/02/1981	5.9	Đạt
44	LƯƠNG THỊ	THÚY	Nữ	10/02/1995	5.9	Đạt
45	LÊ THỊ	THÚY	Nữ	02/06/1982	5.8	Đạt
46	HUỶNH PHẠM ANH	TRÚC	Nam	10/04/1994	6.8	Đạt
47	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	14/10/1993	7.0	Đạt
48	LÊ KHẮC HẢI	VY	Nữ	27/02/2000	7.7	Đạt

Tiếng Anh : Đủ trình độ phiên dịch tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh

1	TRẦN HOÀI	BẢO	Nữ	06/05/1996	6.9	Đạt
2	LÊ TUYẾT MINH	CHÂU	Nữ	03/01/2001	6.8	Đạt
3	NGUYỄN THỊ HỒNG	CHÂU	Nữ	19/06/1996	6.9	Đạt
4	PHAN THỊ TÚ	CÚC	Nữ	29/09/1994	7.1	Đạt
5	VŨ NGUYỄN HOÀNG	ĐỨC	Nam	08/11/1995	5.5	Đạt
6	PHẠM THỊ THANH	DUYÊN	Nữ	16/02/2000	<u>3.2</u>	Không Đạt
7	LƯƠNG NGỌC KHẢI	HOÀN	Nam	16/08/1994	6.5	Đạt
8	CHU THỊ THÚY	HỒNG	Nữ	26/05/1995	6.8	Đạt
9	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	Nữ	28/12/1999	<u>3.4</u>	Không Đạt
10	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	05/07/2003	5.6	Đạt
11	BÙI THỊ MỸ	LINH	Nữ	05/03/1995	6.5	Đạt

TÊN  
TÂM  
LÀN  
LÊ  
HU  
HỒ  
C T

12	TÔ THỊ	LỢI	Nữ	24/08/1996	6.4	Đạt
13	LÊ NGỌC KIM	NGUYỄN	Nữ	29/05/1996	<u>4.5</u>	Không Đạt
14	NGUYỄN TUYẾT	NHI	Nữ	26/05/2003	5.7	Đạt
15	NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH	NHU'	Nữ	28/03/1997	6.2	Đạt
16	VŨ QUỲNH THỰC	NỮ'	Nữ	25/05/1991	5.4	Đạt
17	PHẠM LỆ	QUYÊN	Nữ	22/06/1982	7.4	Đạt
18	LÊ NGUYỄN THIÊN	THANH	Nữ	14/01/1993	<u>4.2</u>	Không Đạt
19	NGUYỄN HỒ	THÀNH	Nam	23/06/1998	7.2	Đạt
20	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	Nữ	03/08/1995	6.0	Đạt
21	LÝ TUYỀN	TRÂM	Nữ	06/04/1991	5.4	Đạt
22	HUỶNH NGỌC	TRÂM	Nữ	28/05/2000	6.2	Đạt
23	LÝ BẢO	TRÂN	Nữ	05/10/1999	5.7	Đạt
24	ĐẶNG NGỌC BẢO	TRÂN	Nữ	12/09/1997	7.5	Đạt
25	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	26/10/1996	6.1	Đạt
26	LÊ THÙY	TRANG	Nữ	21/05/2003	7.0	Đạt
27	TRẦN NGUYỄN THẢO	TRINH	Nữ	02/07/2000	7.5	Đạt
28	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	Nữ	17/08/1998	<u>3.0</u>	Không Đạt

Tiếng Trung : Đủ trình độ phiên dịch tiếng Trung trong khám bệnh, chữa bệnh

1	VÕ VĂN	CHIẾN	Nam	17/07/1991	8.4	Đạt
2	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	Nữ	10/08/1992	8.0	Đạt
3	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	Nữ	07/06/1995	7.3	Đạt
4	ỪNG A	MÚI	Nữ	24/05/1995	7.8	Đạt

5	LÝ HOÀNG	PHÚC	Nam	27/12/1997	7.9	Đạt
Tiếng Anh : Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh (Xét hồ sơ công nhận)						
1	TRẦN THỊ THANH	BÌNH	Nữ	11/06/1975	Xét công nhận	Không Đạt
2	THẠCH MINH	HUY	Nam	07/04/1992	Xét công nhận	Đạt
3	ĐẶNG HOÀNG	LONG	Nam	01/12/1996	Xét công nhận	Đạt
4	NGUYỄN HẠ THI	MƠ	Nữ	17/05/1994	Xét công nhận	Vắng
5	PHẠM THANH	NAM	Nam	06/08/1991	Xét công nhận	Đạt
6	HUỶNH HỮU	PHƯƠNG	Nam	29/05/1998	Xét công nhận	Đạt
7	TÔN THẮT HOÀNG	QUÂN	Nam	28/05/1997	Xét công nhận	Đạt
8	NGUYỄN THỊ HỒNG	UYÊN	Nữ	17/10/1995	Xét công nhận	Đạt

Tiếng Anh : Đủ trình độ phiên dịch tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh (Xét hồ sơ công nhận)

1	PHẠM THANH	NAM	Nam	06/08/1991	Xét công nhận	Đạt
2	ĐẶNG HOÀNG	LONG	Nam	01/12/1996	Xét công nhận	Đạt
3	TÔN THẮT HOÀNG	QUÂN	Nam	28/05/1997	Xét công nhận	Đạt
4	NGUYỄN THỊ HỒNG	UYÊN	Nữ	17/10/1995	Xét công nhận	Không Đạt
5	VŨ VĂN	PHÚC	Nam	04/10/1993	Xét công nhận	Đạt

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 30 tháng 06 năm 2026



**P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**Nguyễn Anh Tuấn**